

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình
giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH CNGTVT;
- Lưu: VT.


 Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục).

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	3			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	3			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	46	92



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (KTCKĐL) của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu chương trình đào tạo được xác lập rõ ràng, có hệ thống và được rà soát định kỳ, bảo đảm tính nhất quán, phù hợp sứ mạng và chiến lược của nhà trường. Việc công bố công khai mục tiêu và chuẩn đầu ra tăng tính minh bạch, hỗ trợ thiết kế học phần, giảng dạy và đánh giá. Chuẩn đầu ra được xây dựng theo Khung trình độ quốc gia, phản ánh đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp và yêu cầu pháp lý; đồng thời tích hợp ý kiến từ doanh nghiệp, chuyên gia và cựu người học; được rà soát, điều chỉnh theo quy trình bảo đảm tính kế thừa, cải tiến liên tục và phù hợp bối cảnh đào tạo.

2. Bản mô tả CTĐT được ban hành, cập nhật định kỳ; cấu trúc đáp ứng yêu cầu pháp lý, thể hiện đầy đủ thông tin cốt lõi và được công bố trên Cổng Thông tin đào tạo, qua đó đảm bảo tính minh bạch và khả năng tra cứu cơ bản. 100% học phần có đề cương theo mẫu thống nhất; các chu kỳ rà soát gần đây tích hợp nội dung công nghệ mới, chuyển luận văn sang đề án, làm rõ liên kết CLO - PLO và tăng cường tính đo lường trong đánh giá. Bản mô tả CTĐT được công khai trên các kênh chính; đề cương được phổ biến trong lớp và lưu trữ tại đơn vị; có khảo sát định kỳ về mức độ tiếp cận để phục vụ cải tiến.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu cyar chuẩn đầu ra theo ba nhóm năng lực, với cơ cấu tín chỉ hợp lý và lộ trình tích lũy từ cơ bản đến chuyên sâu. Ma trận chương trình dạy học bảo đảm sự liên kết giữa chuẩn đầu ra và các học phần. Đề cương học phần thể hiện phương pháp dạy học và đánh giá đa dạng, hỗ trợ đo lường chuẩn đầu ra đã công bố. Cấu trúc chương trình logic, liền mạch giữa các khối kiến thức và được công khai rõ ràng về khối lượng học tập. Hoạt động rà soát, đối sánh và cập nhật được duy trì thường xuyên, giúp tăng tính hiện đại, tích hợp và khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

4. Triết lý “Ứng dụng - Thực học - Thực nghiệp” và mục tiêu giáo dục được ban hành, cập nhật và công bố rộng rãi, bảo đảm thống nhất nhận thức trong nội bộ và nâng mức nhận diện đối với các bên liên quan bên ngoài. Hoạt động dạy - học vận hành theo định hướng lấy người học làm trung tâm, sử dụng phương pháp đa dạng và gắn với thực tiễn qua phòng thí nghiệm, hoạt động thực tiễn và thực tập. Đề cương được công bố sớm giúp người học chủ động kế hoạch; nhiều học phần thúc đẩy kỹ năng, thói quen học tập suốt đời và tích hợp kiến thức và kỹ

năng thông qua thực hành, đề án và hoạt động trải nghiệm. Giảng viên tích cực đổi mới, ứng dụng học liệu số và tổ chức hoạt động ngoại khóa, tọa đàm, nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường động lực và hiệu quả học tập.

5. Các quy định về kiểm tra đánh giá học phần được ban hành đầy đủ, công khai và triển khai theo mốc thời gian rõ ràng, với hướng dẫn xây dựng công cụ theo thang Bloom và khung chấm điểm được tích hợp trong đề cương học phần. Phương thức đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra, có thành phần, trọng số và tiêu chí được chuẩn hóa và phổ biến công khai, hỗ trợ người học chủ động kế hoạch. Chương trình dạy học áp dụng đa dạng phương thức đánh giá, có ngân hàng đề thẩm định và quy trình thi bảo đảm khách quan, nâng cao độ tin cậy và minh bạch. Thời gian phản hồi kết quả được quy định rõ, cập nhật trên hệ thống quản lý để người học theo dõi và điều chỉnh kịp thời. Quy trình khiếu nại/phúc khảo được số hóa, công bố công khai và quy định thời hạn xử lý, qua đó tăng tính minh bạch và khả năng tiếp cận.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn được thực hiện đạt mức 1,8 lượt/năm. Loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và cấp Trường, có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch, phát triển có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ ràng, được công bố công khai. Năng lực nhân viên được quy định rõ ràng và được đánh giá. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được khảo sát và xác định định kỳ làm cơ sở xây dựng và triển kế hoạch hằng năm. Nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn được tổ chức, với kinh phí đảm bảo, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ. Quản trị theo kết quả công việc được triển khai toàn diện; nhân viên có bản mô tả công việc, kế hoạch học kỳ, được giám sát thường xuyên. Quy định khen thưởng, công nhận được thực hiện khách quan; tỷ lệ hài lòng cao, không phát sinh khiếu nại trong chu kỳ đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đào tạo trình độ ThS được Nhà trường xác định rõ ràng và thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm. Trường phân công rõ trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học, tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong học tập, tư vấn việc làm cho người học. Trường triển khai thực hiện được khá nhiều hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học được người học đào tạo trình độ ThS quan tâm. Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã

hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và thực hiện các biện pháp đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ và các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ không gian và trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu với diện tích xây dựng là 4.26 m²/người học. Thư viện đầy đủ phòng đọc và các phòng chức năng, có đầy đủ học liệu và sử dụng phần mềm quản lý; Có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống phòng thực hành phục vụ CTĐT có các phòng thực hành chung và chuyên ngành đặc thù. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, internet và các phần mềm hỗ trợ công việc cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Một số quy định về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xây dựng và ban hành; phân công chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lý triển khai thực hiện.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra; giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Tỷ lệ người học thôi học thấp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đã tốt nghiệp có xu hướng giảm tới thời gian thiết kế; tỉ lệ phản hồi khảo sát việc làm và tỉ lệ có việc làm/số người học phản hồi khảo sát rất cao (100%). Nhà trường đã có kế hoạch và định hướng cho người học tham gia nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của ngành và với khả năng của người học; tỷ lệ người học tham gia nghiên cứu khoa học là 14%; người học ngành KTXDCTGT có 9 công bố riêng (hoặc đứng tên đầu) và 27 công bố chung với giảng viên trên các ISSN/ISBN. Nhà trường đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ và tất cả các tiêu chí khảo sát đều rơi vào vùng hài lòng hoặc rất hài lòng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, bổ sung và cụ thể hóa mục tiêu đào tạo, quát đầy đủ sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, nhấn mạnh năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và khả năng thích ứng với biến động khoa học - công nghệ cũng như thị trường lao động; diễn đạt các chuẩn đầu ra CTĐT theo động từ hành vi thuộc thang Bloom phù hợp trình độ thạc sĩ, xây dựng hệ thống chỉ báo đo lường cụ thể, khách quan cho từng chuẩn đầu ra CTĐT kèm cơ sở xác định mức độ đạt được; đa dạng hóa kênh truyền thông nhằm nâng cao mức độ tiếp cận, đồng thời thiết lập quy trình quản lý phiên bản chuẩn đầu ra kèm bảng ghi nhận thay đổi và ngày hiệu lực để bảo đảm tính minh bạch, thuận tiện tra cứu và so sánh giữa các lần cập nhật.

2. Chuẩn hóa mẫu mô tả CTĐT và thuyết minh ma trận; hoàn thiện ma trận phương pháp dạy, học liên kết chuẩn đầu ra học phần/chuẩn đầu ra CTĐT; xây dựng và chuẩn hóa rubric và động từ/mức Bloom cho từng thành phần đánh giá; thống nhất các trường thông tin bắt buộc; xây dựng kho đề cương số tập trung trên LMS, quy định thời điểm bắt buộc đăng tải và kiểm đếm; công bố đầy đủ các mục bắt buộc của đề cương; thiết lập hệ thống theo dõi số liệu truy cập và mở rộng kênh công bố để nâng tỷ lệ dễ dàng tiếp cận.

3. Rà soát ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra và các học phần để phát triển từng chuẩn và quy định mức độ đạt theo tiến trình giới thiệu - củng cố - làm chủ; điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung ở các học phần dùng chung nhằm nhấn mạnh đóng góp cho các chuẩn chuyên sâu của chương trình; chuẩn hóa mẫu đề cương học phần bắt buộc có bảng ánh xạ chuẩn đầu ra của CTĐT sang chuẩn đầu ra của học phần kèm mức độ cần đạt, thiết lập bảng liên kết nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá với từng chuẩn đầu ra của học phần; hoàn thiện và công bố chuỗi học phần tiên quyết, điều kiện cho toàn bộ học phần, đồng bộ hóa mô tả tổng quan với bảng kế hoạch giảng dạy; ban hành ma trận đối sánh, chuẩn hóa khi tham chiếu chương trình trong nước, quốc tế và hành động cập nhật để bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

4. Thiết lập cơ chế đánh giá định kỳ hiệu quả truyền tải triết lý giáo dục vào CTĐT; xây dựng bộ chỉ số theo dõi mức độ hiểu và mức độ vận dụng của cán bộ, giảng viên và người học; xây dựng ban hành bắt buộc ma trận chuẩn đầu ra CTĐT, chuẩn đầu ra học phần và phương pháp dạy học; cá thể hoá hoạt động hỗ trợ học tập; chuẩn hóa nội dung “Tự học/tự nghiên cứu” trong các đề cương học phần; hoàn thiện khảo sát hiệu quả phương pháp theo nhóm đối tượng và xu hướng nhiều năm, dùng kết quả để quyết định điều chỉnh ở cấp học phần/chương trình.

5. Rà soát quy định về kiểm tra đánh giá, ban hành quy định đánh giá riêng cho bậc sau đại học; bổ sung quy định lập ma trận liên kết chuẩn đầu ra CTĐT với chuẩn đầu ra học phần, nội dung dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thiết lập cơ chế giám sát cơ cấu phương pháp theo từng học phần và theo nhóm chuẩn đầu ra, quy định ngưỡng tối thiểu cho thành phần thực hành/dự án/đồ án đối với các chuẩn định hướng ứng dụng; tổ chức đánh giá, so chuẩn chấm điểm giữa giảng viên và xây dựng, công bố định kỳ bộ chỉ số bảo đảm công bằng; chuẩn hóa quy trình phản hồi với phân công trách nhiệm và mốc thời gian cụ thể; nâng

cấp hệ thống số để ghi nhật ký thời gian công bố, nhắc hạn và cảnh báo trễ; công bố báo cáo định kỳ về tỷ lệ phản hồi đúng hạn theo học phần/học kỳ; thiết lập hệ chỉ số và báo cáo định kỳ về khiếu nại/phức khảo.

6. Quy hoạch đội ngũ giảng viên theo ngành làm cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực; có lộ trình, kế hoạch thúc đẩy giảng viên đăng ký với Hội đồng chức danh Nhà nước đề nghị xét học hàm GS, PGS; bổ sung quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cho cụ thể hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ TS trở lên đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên; khảo sát đánh giá sau đào tạo của các khóa bồi dưỡng để cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng; tăng cường việc đăng ký sở hữu trí tuệ, có hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; phát triển phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học tổng thể để thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá hàng năm của giảng viên.

7. Bổ sung nội dung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường; nâng cao chất lượng dự báo nhân lực, chú trọng cơ cấu và kỹ năng; có chính sách thu hút đội ngũ nhân viên, hoàn thiện chính sách đãi ngộ để thu hút nhân sự giỏi; thực hiện khảo sát người học, cán bộ giảng viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chuẩn hóa và lượng hóa rõ ràng hơn tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; hoàn thiện văn bản quy định về đánh giá, xếp hạng người lao động theo hướng tiếp cận năng lực; lượng hóa tiêu chí để có thể đo lường, tiến tới hoàn thiện và ban hành bộ chỉ số KPIs cho đội ngũ nhân viên; tăng cường đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm và chuyên môn đặc thù; triển khai đánh giá hiệu quả sau đào tạo bồi dưỡng; chuẩn hóa quy trình và biểu mẫu phân công, lập kế hoạch công việc cá nhân khỏi các phòng ban, phục vụ; xây dựng công cụ khoa học trong theo dõi, giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về quản trị kết quả công việc và cơ chế, kết quả khen thưởng, công nhận.

8. Tăng cường thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài Trường về chính sách và quy định tuyển sinh, về các tiêu chí và phương pháp xét tuyển người học đào tạo trình độ ThS để có đầy đủ thông tin nhằm điều chỉnh phù hợp hơn; tổ chức đánh giá, phân tích nguyên nhân tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu để có giải pháp khắc phục kịp thời; nghiên cứu, xây dựng quy định riêng cho người học đào tạo trình độ ThS được đầy đủ, phù hợp hơn; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo dành riêng cho đào tạo trình độ ThS; đổi mới các nội dung, hình thức tư vấn và hỗ trợ người học phù hợp hơn với người học đào tạo trình độ ThS, tạo điều kiện cho họ tham gia được thuận lợi; tổ chức Hội nghị/ Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học đào tạo trình độ ThS để có giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng; nghiên cứu, bố trí thêm không gian học tập mở phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của người học; nâng cấp dung lượng và bổ sung thêm các điểm phát Wifi giúp cho việc truy cập thông tin được thuận lợi hơn.

9. Có phương án xây dựng và hoàn thiện phần diện tích đất/tòa nhà mới hoặc kế hoạch đào tạo hàng năm phù hợp giữa các cơ sở của Trường để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên tại cơ sở Hà Nội theo quy định; cần đầu tư vật lực, nguồn lực và có chính sách thực tế hơn nữa giúp khai thác hiệu quả các giá trị trong tiềm năng của Trung tâm Công nghệ thông tin – Thư viện, hoàn thiện việc liên kết thư viện các cơ sở của Trường với nhau và tăng cường liên kết của thư viện các trường Đại học trong và ngoài nước rộng rãi hơn, hướng tới Thư viện đại học theo thông tư 14/2023/TT-BGDĐT; cần thường xuyên bổ sung, cập nhật một số máy tính có cấu hình cao và phần mềm/trang thiết bị chuyên sâu đặc thù cập nhật để đáp ứng tốt hơn cho học tập và nghiên cứu của người học của ngành KTXDCTGT; lập trình và khai thác hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động của Trường (đào tạo, nghiên cứu khoa học...) có tính hệ thống cao hơn, có lộ trình xúc tiến nhanh đề án chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành Đại học số, đại học thông minh; cần thiết kế lối đi ở một số địa điểm giành cho người khuyết tật (nhà ăn, giảng đường, nhà vệ sinh); cần tổ chức định kỳ khám sức khỏe ít nhất 1 lần/ năm và triển khai thực hiện tư vấn tâm lý cho người học.

10. Xây dựng, rà soát phát triển CTĐT nên tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành; sớm tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành 01 quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất; biên bản dự giờ cần chỉ rõ các hạn chế của từng giảng viên với từng nội dung cụ thể để rút kinh nghiệm cho toàn thể các giảng viên trong bộ môn/khoa và Nhà trường (lưu ý phương pháp giảng dạy); trong nghiên cứu khoa học cần lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT; xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; có các giải pháp hiệu quả giảm tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn; kết nối với cựu người học và nhà sử dụng lao động nắm bắt tình trạng, vị trí việc làm và khả năng tự lập nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động; tiếp tục tăng tỷ lệ người học ngành KTXDCTGT tham gia nghiên cứu khoa học tới mức trên 50%; mở rộng các loại hình hoạt động và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp của người học; nâng cấp Bộ Tiêu chí đánh giá năng lực người học tốt nghiệp sát hợp với chuẩn đầu ra CTĐT để có những đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng người học tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.